

Bản án số: 241/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2022

V/v: “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị A.
- Ông Vũ Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng D, sinh năm 1970 (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 244B chung cư AQ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thảo Q, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 244B chung cư AQ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Hoàng D và Bà Nguyễn Thị Thảo Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyển số 01, ngày 09/11/2001. Ông, bà có hai con chung là Phạm Hoàng Phương L, sinh ngày 21/10/2003 và Phạm Hồng A, sinh ngày 17/02/2007.

Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, lối sống, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được. Từ năm 2017, bà Q thường xuyên bỏ nhà đi, thỉnh thoảng bà về thăm con rồi lại bỏ đi, bà không cho biết bà đi đâu, làm gì. Nay ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc

sống hôn nhân, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn. Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Ông, bà không có tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và đề hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa Ông Phạm Hoàng D và Bà Nguyễn Thị Thảo Q là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về ly hôn”. Xét bị đơn có nơi cư trú tại Quận B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ông Phạm Hoàng D và Bà Nguyễn Thị Thảo Q.

2. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

[3] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyền số 01 ngày 09/11/2001, do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Ông Phạm Hoàng D và Bà Nguyễn Thị Thảo Q, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà Q là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông D trình bày do bất đồng về quan điểm, lối sống nên vợ chồng ông thường xuyên mâu thuẫn từ năm 2017, bà Q thường xuyên bỏ nhà đi thời gian dài rồi về thăm con, sau đó lại bỏ đi, ông D không biết bà Q đi đâu, làm gì, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, nên ông yêu cầu được ly hôn. Phía bà Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các Thông báo và Giấy triệu tập bà Q đến Tòa để Tòa án hoà giải, đồng thời Tòa án đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý và giải quyết đơn yêu cầu “ly hôn” của ông D, nhưng bà Q vắng mặt, cho thấy bà Q không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là tự nguyện. Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy tình yêu thương, sự quan tâm, tôn trọng và trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không còn, nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo yêu cầu của một bên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn.

2.2. Về con chung:

[5] Căn cứ Giấy khai sinh số 182, quyển số 01/2003 ngày 17/11/2003, do Ủy ban nhân dân Phường A, Thành phố MT, tỉnh TG cấp và Giấy khai sinh số 47, quyển số 01 ngày 09/3/2007 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định trẻ Phạm Hoàng Phương L (nữ), sinh ngày 21/10/2003 và trẻ Phạm Hồng A (nam), sinh ngày 17/02/2007 là các con chung của ông D và bà Q.

[6] Ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được trực tiếp nuôi con. Phía bà Q không đến Tòa để giải quyết vấn đề con chung. Xét thấy, hiện nay cả hai con đang được ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; trẻ Phạm Hoàng Phương L đã thành niên và trẻ Phạm Hồng A có nguyện vọng được ở với ba, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của ông D.

[7] Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có thể thỏa thuận về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Căn cứ vào các Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”, nên ông D phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Áp dụng Điều 2 và khoản 1 Điều 56, Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hoàng D được ly hôn Bà Nguyễn Thị Thảo Q.

2. Về con chung: Có hai con chung tên là Phạm Hoàng Phương L (nữ), sinh ngày 21/10/2003 đã thành niên và trẻ Phạm Hồng A (nam), sinh ngày 17/02/2007. Ông Phạm Hoàng D trực tiếp nuôi con chưa thành niên là Phạm Hồng A. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thảo Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Hoàng D khai không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng: Ông Phạm Hoàng D chịu, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0050351 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND Phường A, Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Như Nhiên